

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. **“Vốn điều lệ”** là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại điều 7 của Điều lệ này;
 - b. **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và Luật sửa đổi bổ sung thay thế Luật Doanh nghiệp tại từng thời điểm (nếu có);
 - c. **“Ngày thành lập”** là ngày ghi trong giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu của Công ty;
 - d. **“Cổ đông”** là bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần do Công ty phát hành và có tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty; hoặc một hồ sơ, tài liệu tương tự theo qui định của Luật Chứng khoán đối với một Công ty đại chúng/Công ty niêm yết với tư cách là người sở hữu cổ phần;
 - e. **“Cổ phần phổ thông”** là cổ phần thông thường do Công ty phát hành;
 - f. **“Cổ đông phổ thông”** là người sở hữu cổ phần phổ thông;
 - g. **“Người quản lý”** là các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - h. **“Những người có liên quan”** là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức được qui định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;
 - i. **“Thời hạn hoạt động”** là thời hạn hoạt động của Công ty được qui định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng nghị quyết (nếu có);
 - j. **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - k. **“Công ty”** được qui định trong Điều lệ này là CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ PHÁT TRIỂN BƯU ĐIỆN GIA LAI; Tên tiếng anh là GIALAI POST-TELECOMMUNICATION CONSTRUCTION & DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY, tên giao dịch (tên thương mại, tên viết tắt) là GPT;

- l. **“Địa bàn kinh doanh”** có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- m. **“Pháp luật”** là tất cả các văn bản vi phạm pháp luật được quy định tại Điều 2 của Luật ban hành văn bản qui phạm Pháp luật số 17/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03/06/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009; và Luật sửa đổi, bổ sung thay thế Luật ban hành văn bản qui phạm Pháp luật tại thời điểm và các văn bản pháp luật khác;
- n. **“Đại diện theo ủy quyền”** là người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo qui định của pháp luật.
- o. **“Người được ủy quyền dự họp”** là người được Cổ đông (tổ chức hoặc cá nhân) hoặc “đại diện theo ủy quyền” ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- p. **“Chi nhánh”** là đơn vị phụ thuộc của Công ty, được thành lập hợp pháp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty. Ngành, nghề kinh doanh của Chi nhánh phù hợp với Ngành, nghề kinh doanh của Công ty.
- q. **“Thành viên HĐQT không điều hành”** là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm.
- r. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ PHÁT TRIỂN BƯU ĐIỆN GIA LAI

Tên Công ty bằng tiếng Anh: GIALAI POST-TELECOMMUNICATION CONSTRUCTION & DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: **GPT**

Hình thức: Công ty cổ phần

Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam Khoá XI kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Công ty có bốn cổ đông sáng lập. Danh sách cổ đông sáng lập được ghi chi tiết tại Phụ lục của bản Điều lệ.

2. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Địa chỉ: 32 Nguyễn Thái Học-Phường Hội Thương-Thành phố Pleiku-Tỉnh Gia Lai

Điện thoại : 059.824689

Fax : 059.828808

3. Tư cách pháp nhân của Công ty

- a. Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- b. Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- c. Có Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- d. Chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
- e. Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính;
- f. Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty;

5. Công ty được thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép;

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là vô thời hạn tính từ ngày thành lập.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 3: Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu:

- a. Thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Công ty nhằm tối đa hoá các nguồn lợi nhuận có thể có được của Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông;
- b. Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty;
- c. Đóng góp cho ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp, bảo trì các công trình bưu chính viễn thông.

Xây dựng công trình công nghiệp.

Xây dựng trạm phát sóng di động

Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết : Mua bán vật liệu xây dựng (trừ gỗ).

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Xây dựng nhà các loại.

Hoàn thiện công trình xây dựng.

Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: tư vấn, lập dự án xây dựng, khảo sát thiết kế các công trình bưu chính viễn thông, điện tử tin học.

Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng.

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê trạm phát sóng di động.

Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

Lắp đặt hệ thống điện.

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Sửa chữa, lắp đặt và bảo dưỡng điện lạnh.

Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Sửa chữa máy nỏ.

Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị tổng đài và thiết bị chuyển đổi.

Sửa chữa thiết bị liên lạc.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của Công ty;
2. Công ty có thể tiến hành những ngành nghề kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

CHƯƠNG IV

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 5: Quyền hạn của Công ty

1. Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược kinh doanh của Công ty;
2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh;
3. Tự chủ đăng ký và thực hiện kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm hay kinh doanh có điều kiện; mở rộng quy mô, lĩnh vực kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường;
4. Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư kể cả liên doanh, liên kết, góp vốn, mua cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với mục đích phát triển Công ty;
5. Công ty được mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam và Công ty có thể mở tài khoản tại

ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nếu được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền;

6. Được đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;
7. Tổ chức lại, giải thể Công ty; thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc;
8. Tìm kiếm thị trường, chọn lựa khách hàng; trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng kinh tế với khách hàng trong và ngoài nước; được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty;
9. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả chuyên gia nước ngoài khi cần thiết theo đúng quy định của pháp luật. Lựa chọn hình thức trả lương, phân phối thu nhập, quyết định mức lương cho người lao động theo quy định của pháp luật;
10. Quyết định giá mua, giá bán các loại vật tư, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định;
11. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ cho các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn vốn và sinh lãi;
12. Lựa chọn hình thức, cách thức huy động vốn từ các nguồn trong và ngoài nước. Được phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật;
13. Được thanh lý, chuyển nhượng, thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và nguyên tắc bảo toàn vốn;
14. Được quyền quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
15. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;
16. Được hưởng các quyền khác do pháp luật quy định.

Điều 6: Nghĩa vụ của Công ty

1. Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
 - a. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước các

- khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện; đảm bảo chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký;
- b. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường;
 - c. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác;
 - d. Thực hiện các nghĩa vụ với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng thỏa ước lao động tập thể và các quy chế khác, ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền lợi, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn theo Luật Công đoàn;
 - e. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và công tác phòng chống cháy nổ;
 - f. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo;
 - g. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - h. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty
- a. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về hạch toán, kế toán, thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Tổ chức kinh doanh có hiệu quả nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
 - c. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty;
 - d. Công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các khoản nộp ngân sách nhà nước và các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của pháp luật;
 - f. Thực hiện đầy đủ các cam kết và chịu trách nhiệm vật chất đối với các khách hàng của Công ty.

CHƯƠNG V

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 7: Vốn

1. Các loại vốn của Công ty

Vốn hoạt động của Công ty gồm có: Vốn điều lệ, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác.

2. Vốn Điều lệ

a. Vốn Điều lệ của Công ty là **5.656.550.000VND** (Bằng chữ: **Năm tỷ, sáu trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng**);

b. Vốn Điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, những trường hợp góp vốn bằng hình thức khác sẽ được Hội đồng Quản trị đánh giá và quy ra đồng Việt Nam. Vốn điều lệ được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam;

c. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ và được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

d. Vốn điều lệ sử dụng cho các mục đích:

- Thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Công ty, cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ;
- Mua cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác, góp vốn liên doanh;
- Các dự trữ cần thiết về động sản và bất động sản.

e. Không dùng vốn điều lệ để chia cổ tức cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào;

f. Khi Công ty thay đổi vốn điều lệ, quy định về vốn điều lệ tại điểm a khoản 2 điều này sẽ thay đổi tương ứng.

3. Vốn huy động: Các hình thức huy động vốn của Công ty gồm

a. Phát hành các loại chứng khoán khi có đủ điều kiện và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b. Vay vốn của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;

c. Các hình thức huy động vốn khác được pháp luật cho phép.

4. Vốn tích lũy

Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, được sử dụng để mở rộng và phát triển Công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân và các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

Điều 8: Cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau, mỗi phần được gọi là một cổ phần;
2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được chia thành **565.655** cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND;
3. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ;
4. Cổ phần có thể được góp bằng tiền Việt Nam, vàng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sử hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ cần thiết cho hoạt động của Công ty. Trường hợp góp vốn không phải bằng tiền Việt Nam, phải được Hội đồng quản trị định giá theo đúng quy định của pháp luật, để xác định số lượng cổ phần ngay tại thời điểm góp vốn.
5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 9: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc bút toán ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của các cổ đông góp vốn trong Công ty;
2. Nội dung cổ phiếu:
 - a. Tên Công ty, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d. Mệnh giá một cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - e. Họ, tên và địa chỉ thường trú, Quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa

chỉ thường trú, Quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu ghi danh;

- f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
 - g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
 - h. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
3. Hình thức cổ phiếu: Cổ phiếu của Công ty có thể ghi danh hoặc không ghi danh và được in dưới dạng Tờ cổ phiếu hoặc Sổ chứng nhận cổ đông theo mẫu quy định.
- Cổ phiếu ghi danh là loại cổ phiếu có ghi tên của pháp nhân hay thể nhân sở hữu số cổ phần ghi trên cổ phiếu này;
 - Cổ phiếu vô danh là loại cổ phiếu không ghi tên pháp nhân hay thể nhân sở hữu số cổ phần ghi trên cổ phiếu này;
4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty;

Điều 10: Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ dưới dạng văn bản và tập dữ liệu điện tử tại trụ sở chính của Công ty từ khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Nội dung của sổ đăng ký cổ đông:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở của Công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần, mã số riêng của từng cổ đông.
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;

Điều 11: Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên khi thành lập Công ty;

- b. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh phát hành. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ % giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán;
 - d. Các trường hợp khác do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn chào bán. Số cổ phần không được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi các cổ đông chấp thuận.
 3. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu cho các cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị rách, bị mờ, hư hỏng hay bị mất, thì cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải thông báo cho Công ty biết bằng văn bản một cách sớm nhất và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Công ty quy định; Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hay sử dụng với mục đích lừa đảo.
 4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty;
 5. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu, trong trường hợp này các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 điều 10 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty;

Điều 12: Chuyển nhượng cổ phần

1. Việc chuyển nhượng cổ phần phải tuân thủ các quy định về chuyển nhượng cổ phần và quản lý cổ đông của Công ty;

2. Cổ phần phổ thông của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ một số trường hợp hạn chế chuyển nhượng hoặc chuyển nhượng có điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này;
3. Các trường hợp hạn chế chuyển nhượng, chuyển nhượng có điều kiện:
 - a. Các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian đương nhiệm không được quyền chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình; trường hợp đặc biệt có thể cho phép các thành viên Hội đồng quản trị được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình khi 100% thành viên Hội đồng quản trị đồng ý, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 29 của bản Điều lệ này;
 - b. Khi một thành viên của Hội đồng quản trị được phép chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình thì trước tiên phải dành ưu tiên cho những thành viên khác trong Hội đồng quản trị mua. Nếu trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chuyển nhượng mà những người trong diện này không mua thì có quyền chuyển nhượng cho một người thứ ba khác với các điều kiện chuyển nhượng không được phép thuận lợi hơn đối với các thành viên của Hội đồng quản trị;
 - c. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty. Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông của Công ty nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó. Sau 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế này đều được bãi bỏ;
 - d. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn xin chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông quy định tại điểm a,c,d nêu trên, Hội đồng quản trị xem xét, xử lý việc chuyển nhượng. Trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo rõ lý do bằng văn bản cho các cổ đông xin chuyển nhượng;
4. Khi Công ty chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán, việc chuyển nhượng cổ phần sẽ thực hiện thông qua Trung tâm giao dịch chứng khoán và theo quy định của pháp luật;
5. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.

6. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 1,2,3,4 của điều này. Việc chuyển nhượng này được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty;

Điều 13: Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp một cổ đông qua đời, chỉ người (những người) sau đây được Công ty công nhận có quyền sở hữu đối với cổ phần của người đã mất:
 - a. Người (những người) thừa kế hợp pháp theo quy định của pháp luật về thừa kế;
 - b. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty chỉ thừa nhận người đại diện sở hữu này và không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
2. Sau khi trình đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục quy định để người (những người) có quyền thừa kế hợp pháp được sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế;
3. Những người được nhận thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chỉ được thừa kế quyền sở hữu cổ phần, không được thừa kế chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 14: Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Công ty
Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định dưới đây:
 - a. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc mua lại từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông đã bán của Công ty;
 - b. Trường hợp mua lại dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán do Hội đồng quản trị quyết định;
 - c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần phải được thông báo tới tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra quyết định. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ

phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn cổ đông chào bán. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời gian nói trên;

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Cổ đông có yêu cầu mua lại cổ phần phải làm văn bản trong đó nêu nội dung của cổ phiếu (theo khoản 2 điều 10 của Điều lệ này), số lượng từng loại cổ phần giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại và gửi đến công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại khoản này. Thời hạn mua lại trong 90 ngày kể từ ngày Công ty nhận được yêu cầu;

3. Giá mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định và không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 điều này;

Trường hợp không thoả thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Điều kiện thanh toán, xử lý các cổ phần được mua lại

- a. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định này, các cổ đông đã được thanh toán phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty;
- b. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại;
- c. Tất cả các cổ phần được Công ty mua lại được coi là số cổ phần ngân quỹ của Công ty.
- d. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng

quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty;

Điều 15: Thu hồi cổ phần

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty;
2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi;
3. Nếu các yêu cầu của thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi;
4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp;
5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó tính đến thời điểm thu hồi hoặc giao nộp;
6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

Điều 16: Cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành và kiểm soát Công ty bao gồm

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Ban giám đốc.

Điều 17: Nguyên tắc tổ chức và quản trị, điều hành của Công ty

1. Công ty luôn có ít nhất 03 (ba) cổ đông trở lên. Các cổ đông tham gia góp vốn đều là đồng chủ sở hữu Công ty. Cổ đông có thể là pháp nhân hay thể nhân. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn cổ phần mà họ đã góp đủ;
2. Công ty được tổ chức quản trị và điều hành theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định khác trong bản Điều lệ này;
3. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty;
4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị Công ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty;
5. Quản lý, điều hành hoạt động của Công ty là Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;
6. Giúp việc cho Giám đốc điều hành hoạt động Công ty là các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng, ban Công ty;
7. Công ty có các chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc.

Điều 18: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội khác

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức mình;
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19: Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty nhưng không được quá mức qui định của pháp luật hiện hành. Số lượng cổ đông tối thiểu là 03 (ba) và không hạn chế số lượng tối đa;
2. Cổ đông sáng lập của Công ty phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - a. Tham gia thông qua Điều lệ đầu tiên của Công ty;
 - b. Cùng nhau nắm giữ tối thiểu 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty trong 03 năm đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - c. Số lượng cổ phần sở hữu tối thiểu của mỗi cổ đông sáng lập:
 - Đối với cổ đông là pháp nhân: **10%** tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty;
 - Đối với cổ đông là thể nhân: **3%** tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty.
3. Trường hợp một cổ đông là pháp nhân thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp thì pháp nhân mới được kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông pháp nhân này phải gửi Hội đồng quản trị Công ty các văn bản pháp lý về việc kế thừa;
4. Trường hợp một cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thể nhân khác, hoặc có thể đề nghị Công ty mua lại.

Điều 20: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ;
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết;

- b. Nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại Điều 12 của bản Điều lệ này;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Được cung cấp thông tin định kỳ hay đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty;
- f. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông, người được ủy quyền tham dự không được ứng cử với tư cách của chính mình;
- g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% tổng số cổ phần trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền:
 - Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22 của bản Điều lệ này. Yêu cầu phải bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau: Tên, trụ sở chính hoặc tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của cổ đông; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; các hành vi vi phạm và các nghĩa vụ cụ thể mà Hội đồng quản trị đã vi phạm, mức độ vi phạm hoặc các quyết định của Hội đồng quản trị đã vượt quá thẩm quyền; kiến nghị các vấn đề cần giải quyết. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;
 - Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau: Tên, trụ sở chính hoặc tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của cổ đông; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích của kiểm tra;
 - Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 25 Điều lệ này;
 - Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Đề cử người đề bầu vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10%

đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 01 người để bầu vào Hội đồng quản trị và 01 người để bầu vào Ban kiểm soát; nếu chiếm từ 30% đến dưới 50% thì họ được đề cử 02 người để bầu vào Hội đồng quản trị và 01 người để bầu vào Ban kiểm soát; nếu từ 50% đến 70% thì họ được đề cử 03 người để bầu vào Hội đồng quản trị và 02 người để bầu vào Ban kiểm soát, và nếu lớn hơn 70% thì họ được đề cử 04 người để bầu vào Hội đồng quản trị và 02 người để bầu vào Ban kiểm soát;

- h. Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận *một phần* tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật;
- i. Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 của bản Điều lệ này;
- j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 21: Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng hạn vốn cổ phần đã cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
2. Đối với cổ đông sáng lập, vốn cổ phần của cổ đông sáng lập phải được góp đủ ngay sau khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Cổ đông sáng lập chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần góp vào Công ty đã ghi trong danh sách cổ đông sáng lập được đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh.
3. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ có liên quan của Công ty;
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;
6. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp của mình;
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và của bản Điều lệ này.
8. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty;

Điều 22: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự.
2. Đại hội đồng cổ đông thành lập:
 - a. Đại hội đồng cổ đông thành lập do Ban chỉ đạo cổ phần hoá triệu tập;
 - b. Đại hội đồng cổ đông thành lập có nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - Thảo luận và thông qua Điều lệ Công ty;
 - Bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - Quyết định bộ máy tổ chức, quản lý của Công ty;
 - Thông qua phương án sản xuất kinh doanh;
 - Thông qua tổng mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Các nhiệm vụ và quyền hạn khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên
 - a. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
 - b. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền được quy định tại Điều 23 của bản Điều lệ này.
4. Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng quản trị nhận thấy vấn đề phát sinh có thể ảnh hưởng không tốt tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và lợi ích của cổ đông thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa;
 - Khi số thành viên của Hội đồng quản trị giảm quá 1/3 số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 86 của Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - Khi có phát sinh các vấn đề khẩn cấp khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại điểm a nêu trên;
- c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;
- d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm a của khoản này có thể triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;
- e. Tất cả các chi phí cần thiết và hợp lý để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông bất thường sẽ do Công ty chi trả. Chi phí này sẽ không bao gồm các chi phí do các cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 23: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1. Phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, mức cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
2. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị; báo cáo kiểm toán độc lập (nếu có);

3. Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
4. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có); số lượng và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
5. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tổng số tiền thù lao của Hội đồng quản trị, của Ban kiểm soát và của từng thành viên được nhận trong năm; quyết định tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm tài chính mới;
6. Thông qua bổ sung và sửa đổi Điều lệ (nếu cần);
7. Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ; việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập cho người không phải là cổ đông trong 03 năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
8. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
9. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
10. Thông qua định hướng phát triển của công ty, quyết định đầu tư, góp vốn, liên doanh, liên kết hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
11. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành;
12. Chấp thuận việc ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ, mà giá trị của hợp đồng lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;
13. Chấp thuận việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời kiêm Giám đốc điều hành;
14. Quyết định việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập;
15. Biểu quyết tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán;
16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 24: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông;
2. Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người uỷ quyền hoặc bởi luật sư của người đó;
 - b. Trường hợp là pháp nhân thì phải được người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền hợp lệ hoặc luật sư của pháp nhân đó ký và đóng dấu.
3. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được uỷ quyền được một luật sư ký thay mặt cho người uỷ quyền thì thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư uỷ quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được uỷ quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định uỷ quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực;
4. Lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:
 - a. Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;
 - b. Huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - c. Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 tiếng trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại;
5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng;
6. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25: Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 của điều này thì triệu tập lần thứ hai trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 30% số cổ phần có quyền biểu quyết;
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành như quy định tại khoản 2 của Điều này thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp;
4. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội;
 - c. Gửi thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp, thông báo phải gửi bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ thường trú của cổ đông.
5. Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo phải được gửi ít nhất 07 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu Công ty có Website, thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông và trên các phương tiện thông tin đại chúng;
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp;
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 6 của Điều này nếu:
 - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên;

- c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;
 - d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
8. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 9. Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội và lập danh sách hiện diện (kèm theo số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện);
 10. Đại hội đồng cổ đông thành lập do đại diện vốn nhà nước làm chủ tọa. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa, nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa.

Đại hội đồng cổ đông bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa, nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt mà không uỷ quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị dự họp sẽ lựa chọn 01 thành viên Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Trường hợp vắng mặt tất cả các thành viên Hội đồng quản trị thì Trưởng Ban kiểm soát làm chủ tọa. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát cũng vắng mặt thì Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu chủ tọa;

11. Chủ tọa thông qua Đại hội đồng cổ đông bầu ra thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của 02 kiểm phiếu viên và được chủ tọa đại hội ký xác nhận;
12. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, biên bản phải lập bằng tiếng Việt có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 13 của điều này, phải được hoàn tất và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc 02 thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị;
13. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh, thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chương trình làm việc, tên chủ tọa và thư ký;
 - c. Tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự;
 - d. Tóm tắt các phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;

- e. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Tổng số phiếu đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - g. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
14. Tất cả chi phí cần thiết, hợp lý để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty thanh toán, các chi phí này sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chi để tham dự Đại hội đồng cổ đông như chi phí đi lại, lưu trú và các chi phí liên quan khác.
15. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và toàn văn nghị quyết đã được thông qua, tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

Điều 26: Thông qua các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến của tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội bằng văn bản; số phiếu biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu;
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:
 - a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông phải công khai, trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín;
 - b. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
3. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
 - a. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận;
 - b. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu liên quan đến vấn đề cần lấy ý kiến kèm theo Phiếu lấy ý kiến và gửi cho tất cả các cổ đông, trong đó quy

định cụ thể ngày chậm nhất cổ đông phải trả lời bằng văn bản những vấn đề được hỏi ý kiến;

- c. Các cổ đông phải ghi rõ đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến về những vấn đề được hỏi ý kiến, lý do và các kiến nghị của mình vào Phiếu lấy ý kiến và gửi về trụ sở Công ty qua đường thư hay đường fax; Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

- d. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tập hợp ý kiến của các cổ đông và lập biên bản để ra nghị quyết. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo bằng văn bản đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua và có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông, kể cả với số cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 27: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát và cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;
- b. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG VIII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28: Tổ chức Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị gồm **05** thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm theo thể thức công khai, trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín. Các ứng cử viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị là 05 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất và được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp chấp thuận;
3. Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là **05** năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại tại nhiệm kỳ kế tiếp. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 01 thành viên cũ;
4. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị với đa số phiếu theo thể thức công khai, trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín;
5. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc vẫn tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc;
6. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị;

Điều 29: Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1. Đại diện quyền sở hữu cổ phần của cổ đông pháp nhân chiếm từ 10% vốn điều lệ trở lên, đối với cổ đông thể nhân chiếm từ 3% vốn điều lệ trở lên;
2. Có năng lực và kinh nghiệm trong kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

Điều 30: Nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - a. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm;
 - b. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và điều hành của Công ty, các quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - c. Quyết định thành lập, giải thể công ty trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện;

- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc Công ty; ký hợp đồng lao động, quyết định mức lương, thưởng, các lợi ích khác và hình thức kỷ luật đối với Giám đốc Công ty;
- e. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Giám đốc; quyết định mức lương, thưởng và hình thức kỷ luật đối với những chức danh này theo đề nghị của Giám đốc;
- f. Cử một Phó giám đốc tạm thời đảm nhiệm chức danh Giám đốc trong trường hợp Giám đốc bị mất khả năng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc bị Hội đồng quản trị tạm đình chỉ quyền điều hành Công ty do vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- g. Xem xét và quyết định hình thức xử lý sai phạm của Giám đốc gây thiệt hại cho Công ty và quyết định các biện pháp cần thiết để khắc phục;
- h. Đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái với pháp luật; vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- i. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần phổ thông được quyền chào bán, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- j. Quyết định giá chào bán cổ phần của Công ty;
- k. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần phổ thông đã bán, quyết định giá mua lại cổ phần;
- l. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- m. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- n. Quyết định chính sách đầu tư của Công ty, thông qua phương án đầu tư do Giám đốc đệ trình;
- o. Quyết định bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;
- p. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;
- q. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trong trường hợp một bên ký kết của hợp đồng là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và người có liên quan của họ. Thành viên Hội đồng quản trị

hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký kết hợp đồng không có quyền biểu quyết;

- r. Phê chuẩn việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- s. Quyết định việc phát hành trái phiếu của Công ty: loại trái phiếu, tổng giá trị phát hành, thời điểm phát hành;
- t. Thông qua việc định giá tài sản vốn góp không phải là tiền Việt Nam: ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, bí quyết kỹ thuật, công nghệ và các tài sản khác;
- u. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- v. Trình Đại hội đồng cổ đông:
 - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - Quyết định việc tổ chức lại hoặc giải thể, hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - Quyết định việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty;
 - Xem xét và quyết định hình thức xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông;
 - Thông qua Báo cáo quyết toán tài chính hàng năm;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Chấp thuận việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập cho người không phải là cổ đông trong 03 năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - Quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty;
 - Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty trong trường hợp một bên ký kết của hợp đồng là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và người có liên quan của họ;
 - Quyết định mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

- w. Thực hiện việc khởi kiện của Công ty đối với cán bộ quản lý Công ty cũng như quyết định đại diện Công ty trong quá trình tố tụng đối với các cán bộ quản lý này;
 - x. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Công ty.
2. Hội đồng quản trị không được trực tiếp hay gián tiếp:
- a. Cho bất kỳ cổ đông nào của Công ty vay tiền;
 - b. Bảo lãnh trên danh nghĩa Công ty hoặc cung cấp tài sản của Công ty cho cổ đông đem cầm cố, thế chấp để vay tiền;
 - c. Bảo lãnh trên danh nghĩa Công ty hoặc cung cấp tài sản của Công ty cho một Công ty khác đem cầm cố, thế chấp để vay tiền;
 - d. Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Công ty cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.
3. Quyền lợi của thành viên HĐQT:
- a. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị sẽ do tập thể Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch) hoặc các thành viên Hội đồng quản trị khi thực hiện các công việc khác nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị;
 - c. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, lưu trú và các khoản chi phí cần thiết, hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo kế hoạch đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Mọi chi phí hoạt động cần thiết, hợp lý của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 31: Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;
 - d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Ủy quyền bằng văn bản, ghi rõ phạm vi và thời hạn ủy quyền, cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp vắng mặt. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba;
 - g. Kê khai thông tin về các doanh nghiệp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị góp vốn hoặc mua cổ phần; doanh nghiệp mà vợ, chồng, con đẻ, con nuôi làm chủ sở hữu hoặc sở hữu hơn 40% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;
 - h. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:
 - a. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
 - b. Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;
 - c. Thực hiện Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị;
 - d. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ được giao, không được ủy quyền cho người khác;
 - e. Kê khai thông tin về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị góp vốn hoặc mua cổ phần; doanh nghiệp mà vợ, chồng, con đẻ, con nuôi làm chủ sở hữu hoặc sở hữu hơn 40% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

- f. Chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị tạm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt mà không thực hiện việc uỷ quyền;
- g. Được quyền yêu cầu các cán bộ trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- h. Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn góp nhà nước tại Công ty cổ phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 32: Hoạt động của Hội đồng quản trị

- 1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập.
- 2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý 01 lần. Trường hợp đặc biệt, khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá 05 tháng để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Phiên họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa;
- 3. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập phiên họp bất thường khi có yêu cầu của một trong các đối tượng sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Giám đốc điều hành;
 - c. Trưởng Ban kiểm soát;
 - d. 3/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên.
- 4. Cuộc họp Hội đồng quản trị được xem là hợp lệ khi có từ 3/5 tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết;
- 5. Mọi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản phải được thông qua và có đầy

đủ chữ ký của chủ tọa, thư ký phiên họp và các thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

6. Hội đồng quản trị có thể họp, hoặc thông qua nghị quyết bằng cách lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu liên quan đến các vấn đề cần lấy ý kiến và lập Phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến có ghi rõ thời hạn phải trả lời gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trả lời Phiếu lấy ý kiến và gửi về Công ty đúng thời hạn quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị tập hợp các ý kiến để lập biên bản và ra nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định;
7. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền;
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trước pháp luật, trước các cổ đông về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Điều 33: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi, bổ sung thành viên HĐQT

1. Một thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Chết, hoặc bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - d. Thành viên đó không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu do Điều lệ Công ty quy định;
 - e. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
 - f. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
 - g. Không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - h. Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết thành viên đó không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị;

- i. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 2 Thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định;
 - b. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải gửi đơn xin từ chức đến Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải nhóm họp trong vòng 30 ngày để xem xét quyết định và bầu Chủ tịch mới trong trường hợp đơn xin từ chức của Chủ tịch đương nhiệm được chấp thuận;
 - c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm bị bãi miễn, thì trong vòng 20 ngày Hội đồng quản trị phải họp bất thường để bầu người thay thế;
 - d. Trường hợp khuyết 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IX

GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 34: Giám đốc

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty;
2. Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị;
3. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
4. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty;

5. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động;
6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc theo quy định tại khoản 2 Điều 38 với ít nhất 3/5 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Giám đốc trong trường hợp Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Điều 35: Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc

Giám đốc Công ty là người phải có đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có trình độ đại học trở lên thuộc các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh hay kỹ thuật có liên quan, có ít nhất 5 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết pháp luật;
2. Không được đồng thời giữ bất cứ một chức vụ điều hành nào tại Công ty khác;
3. Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

Điều 36: Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty; quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty mà không cần có quyết định của Hội đồng quản trị;
2. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê chuẩn cơ cấu tổ chức, bộ máy giúp việc và quy chế quản lý nội bộ Công ty.
3. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch hàng năm;
4. Bảo toàn và phát triển vốn; tổ chức thực hiện phương án sản xuất kinh doanh, phương án đầu tư của Công ty;
5. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

6. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định);
7. Ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty, trừ các hợp đồng quy định tại điểm p khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 39 bản Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký;
8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm;
9. Quyết định mức lương, phụ cấp, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động trong Công ty, theo quy chế quản lý nội bộ đã được Hội đồng quản trị thông qua, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
10. Ký kết hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý thuộc quyền và người lao động trong Công ty;
11. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
12. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những trường hợp quy định tại điểm w khoản 1 Điều 30 bản Điều lệ này;
13. Kê khai thông tin về các doanh nghiệp mà Giám đốc góp vốn hoặc mua cổ phần; doanh nghiệp mà vợ, chồng, con đẻ, con nuôi làm chủ sở hữu hoặc sở hữu hơn 40% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;
14. Có quyền từ chối thực hiện những nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đồng thời phải có trách nhiệm báo cáo ngay cho Ban kiểm soát;
15. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
16. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
17. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
18. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 37: Ủy quyền, uỷ nhiệm

1. Giám đốc có thể ủy quyền, uỷ nhiệm cho cán bộ cấp dưới của mình thay mặt giải quyết toàn bộ hoặc một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền, uỷ nhiệm của mình;
2. Các trưởng phòng, ban trong Công ty có thể ủy quyền, uỷ nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình;
3. Mọi sự ủy quyền, uỷ nhiệm đều phải thực hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ nội dung, phạm vi và thời hạn ủy quyền, uỷ nhiệm;
4. Người được ủy quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm trước người uỷ quyền và trước pháp luật về thực hiện công việc được uỷ quyền.

Điều 38: Từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Khi Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định;
2. Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Chết, hoặc bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Có đơn xin từ chức;
 - c. Để Công ty bị lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hai năm liên tiếp;
 - d. Tự ý bỏ nhiệm sở trong vòng 05 ngày làm việc liên tục mà không có lý do chính đáng và không uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó giám đốc thực hiện chức năng quyền hạn của mình;
 - e. Không còn hội đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 35;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp Giám đốc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải chỉ định một Phó giám đốc tạm thời thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bổ nhiệm Giám đốc mới.

Điều 39: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ thì Giám đốc chỉ được ký kết theo quy định sau:
 - a. Đối với các hợp đồng trị giá bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;
 - b. Đối với các hợp đồng trị giá nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;
2. Trường hợp hợp đồng quy định tại khoản 1 nêu trên được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty phải bồi thường.

Điều 40: Cán bộ quản lý

Cán bộ quản lý Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có nghĩa vụ:

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty;
3. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được đem tài sản của Công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;
4. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:
 - a. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;
 - b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;
 - c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và điểm b khoản này;

- d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
5. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và bản Điều lệ này quy định.

CHƯƠNG X

BAN KIỂM SOÁT

Điều 41: Tổ chức Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty;
2. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp và bỏ phiếu kín;
3. Trưởng Ban kiểm soát do các thành viên Ban kiểm soát bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp, bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết;
4. Ban kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 60 ngày để hoàn thành các công việc còn tồn đọng. Các thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại.

Điều 42: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải là cổ đông của Công ty, trung thực, trình độ tốt nghiệp đại học trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, hiểu biết về pháp luật, trong đó ít nhất phải có 01 thành viên Ban kiểm soát có chuyên môn về tài chính kế toán;
2. Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
 - b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

Điều 43: Từ nhiệm, bãi miễn, bổ sung thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng 12 tháng trở lên mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát đã quyết nghị rằng vị trí của người này bị bỏ trống;
 - c. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
 - d. Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
 - e. Không còn đủ tư cách làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ và của pháp luật;
 - f. Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết thành viên đó không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát.
3. Thay đổi, bổ sung thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức danh thành viên Ban kiểm soát phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định;
 - b. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà các thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính - kế toán hoặc 2/3 thành viên Ban kiểm soát trở lên bị khuyết thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 60 ngày để bầu bổ sung;
 - c. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát thì trong vòng 30 ngày, Ban kiểm soát phải họp để bầu Trưởng ban kiểm soát mới.

Điều 44: Nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lợi của Ban kiểm soát

1. Quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát
 - a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty;
 - b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ

đồng hay nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;

- c. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận, kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - e. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - f. Được quyền yêu cầu các phòng, ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - g. Thông báo định kỳ kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị;
 - h. Không được tiết lộ bí mật Công ty, không gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường cũng như gây gián đoạn trong điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty;
 - i. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật. Trường hợp phát hiện thấy có sai phạm mà không báo cáo sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật;
 - j. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;
2. Ban kiểm soát họp ít nhất 06 tháng một lần, trường hợp cần thiết có thể họp bất thường. Nội dung mỗi cuộc họp đều phải được ghi biên bản. Biên bản phải được thông qua và có chữ ký của chủ tọa, thư ký phiên họp và các thành viên dự họp. Biên bản phải được lưu giữ đầy đủ và gửi 01 bản cho Hội đồng quản trị.
 3. Quyền lợi của Ban kiểm soát
 - a. Các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao. Tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, mức thù lao cho từng thành viên Ban kiểm soát sẽ do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát;
 - b. Các thành viên Ban kiểm soát được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, lưu trú và các khoản chi phí cần thiết, hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện

nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông;

- c. Mọi chi phí hoạt động cần thiết, hợp lý của Ban kiểm soát được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 45: Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

1. Tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật;
2. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát;
3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban kiểm soát;
4. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường;
5. Được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI

NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 46: Quyền lợi của người lao động trong Công ty

1. Người lao động trong Công ty được hưởng những quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật và của Công ty;
2. Giám đốc sẽ căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện của Công ty để xây dựng trình Hội đồng quản trị thông qua các cơ chế liên quan đến tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và những người lao động trong Công ty.

CHƯƠNG XII

HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 47: Hạch toán

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó;
2. Công ty hạch toán kế toán theo đúng Luật Kế toán hiện hành và lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt Nam.

Điều 48: Báo cáo tài chính

1. Kết thúc năm tài chính, Công ty lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này;
2. Báo cáo tài chính năm bao gồm:
 - a. Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12;
 - b. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - d. Thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải hoàn thành báo cáo tài chính chậm nhất là ngày 10 tháng 02 năm kế tiếp năm báo cáo và được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập trong 20 ngày tiếp theo. Báo cáo tài chính đã kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán được gửi tới Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày hoàn thành. Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
4. Sau Đại hội đồng cổ đông, Báo cáo tài chính đã kiểm toán cùng với Báo cáo của Ban kiểm soát, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty theo quy định của pháp luật để các cổ đông có thể xem xét khi cần thiết;
5. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính năm đã kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông. Nếu Công ty có một trang Web trên mạng thì các báo cáo

tài chính đã kiểm toán, báo cáo quý, sáu tháng của Công ty phải được đưa lên trang Web.

Điều 49: Kiểm toán

1. Hoạt động kiểm toán do một doanh nghiệp kiểm toán và các kiểm toán viên được Công ty lựa chọn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập;
2. Đại hội đồng cổ đông hàng năm sẽ lựa chọn một doanh nghiệp kiểm toán có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật để thực hiện kiểm toán cho năm tài chính kế tiếp. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định doanh nghiệp kiểm toán;
3. Doanh nghiệp kiểm toán có trách nhiệm thực hiện kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết với Công ty.

Điều 50: Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ

1. Lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
2. Công ty trích lập các quỹ sau:

Trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế:

- Quỹ dự phòng tài chính: mức trích hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;
 - Quỹ đầu tư phát triển;
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi.
3. Mức trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế và mức chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị đề xuất hàng năm và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị có thể quyết định mức chi trả cổ tức tạm thời.

Điều 51: Cổ tức

1. Đại hội đồng Cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận của Công ty;
2. Cổ tức có thể được trả bằng tiền đồng Việt Nam hoặc bằng cổ phiếu phổ thông nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
3. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan đến một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán

bằng chuyển khoản khi Công ty đã có thông tin chi tiết về tài khoản Ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về Ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Chi phí chuyển khoản (nếu có) sẽ được tính trừ vào cổ tức của cổ đông thụ hưởng;

4. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần của cổ đông, tỷ lệ cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm, địa điểm và phương thức trả cổ tức;
5. Công ty không trả lãi cho bất kỳ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn;
6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 52: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ;
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG XIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53: Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - d. Bị Toà án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp;
 - e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Thủ tục giải thể hay phá sản Công ty được tiến hành theo quy định của pháp luật.

Điều 54: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động;
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị;
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 55: Thanh lý

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu Ban thanh lý gồm 05 thành viên để làm nhiệm vụ thanh lý tài sản Công ty theo đúng quy định của

pháp luật. Các thành viên Ban thanh lý có thể được lựa chọn từ trong Công ty hoặc thuê chuyên gia (nếu cần);

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo với cơ quan đăng ký kinh doanh về việc được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Tiền thu được từ thanh lý Công ty sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động trong Công ty;
 - c. Thuế và các khoản chi phí có tính chất thuế mà Công ty phải nộp;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán các khoản từ điểm a đến điểm e nêu trên được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần nắm giữ.

Điều 56: Tố tụng, tranh chấp

1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân và thể nhân khi có tố tụng, tranh chấp;
2. Mọi cổ đông đều có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do sai phạm cố ý của bất kỳ cá nhân nào trong Công ty gây ra. Trong thời hạn 60 ngày, nếu Hội đồng quản trị không giải quyết khiếu nại hoặc quyết định hoà giải không được các bên chấp thuận thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG XIV

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 57: Con dấu

1. Con dấu chính thức của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của pháp luật và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi sử dụng;
2. Hội đồng quản trị giao Giám đốc có trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

